HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG KHOA AN TOÀN THÔNG TIN



Môn: Thực tập cơ sở

BÀI BÁO THỰC TẬP CƠ SỞ **Bài 2:** Cài đặt hệ điều hành máy trạm Linux

Họ và tên giảng viên:TS.Đinh Trường DuyHọ và tên:Nguyễn Quốc Khánh

 Mã sinh viên:
 B20DCAT103

 Lớp:
 D20CQAT03-B

 Số điện thoại:
 0964137761

1.Tìm hiểu lý thuyết

Về hệ điều hành Linux:

Lịch sử:

Unix là họ hệ điều hành máy tính hỗ trợ đa nhiệm và đa người dùng phát triển từ phiên bản Unix của AT&T từ những năm 1970. Vào năm 1984 Richard Stallman khởi xướng Hội Phần mềm miễn phí FSF (Free Software Foundation) và khởi động dự án GNU để tạo ra phiên bản miễn phí của hệ điều hành UNIX. Hệ điều hành UNIX sử dụng thiết kế mô-đun với các phần mềm chức năng được xây dựng đơn giản và rõ ràng do vậy Unix dễ dàng phát triển và mở rộng. Một điểm quan trọng của UNIX là được viết bằng ngôn ngữ lập trình C nên dễ dàng chuyển đổi nền tảng hay phần cứng khác nhau. Người dùng chỉ cần thực hiện việc biên dịch là phần mềm là có thể sử dụng được trên hệ thống mới.

Vào năm 1991, Linus Torvalds phát triển hệ điều hành Linux, là phiên bản miễn phí mã nguồn mở cho PC của hệ điều hành UNIX. Nhân Linux mở cho mọi người có thể sửa đổi, cải tiến tính năng và có thể được tích hợp với các phần mềm FSF khác. Chính vì vậy Linux trở nên phổ biến và dễ dàng sửa đổi. Trong cộng đồng LINUX, các tổ chức khác nhau sử dụng các cách kết hợp các thành phần mềm khác nhau để tao ra các phiên bản khác nhau.

Kiến trúc:

Kiến trúc của hệ điều hành LINUX/UNIX bao gồm các bộ phận chính như sau: Nhân: là phần cốt lõi của hệ điều hành chịu trách nhiệm tương tác trực tiếp với phần cứng và đảm bảo cho hầu hết các hoạt động của hệ thống. Phần nhân chứa các chương trình quản lý bộ nhớ, CPU, quản lý file và các trình điều khiển thiết bị.

Vỏ: Giao tiếp với phần nhân và nhận câu lệnh từ người dùng. Có thể coi vỏ là chương trình thông dịch đặc biệt dùng để thực thi các câu lệnh của

hệ điều hành như gọi các chương trình.

Giao diện đồ họa: được chạy ở mức ứng dụng và phát triển dựa trên hệ thống "X Window". Các giao diện quản lý giao diện đồ họa phổ biến như CDE (Common Desktop Environment), KDE (K Desktop Environment) hay GNOME. Các giao diện quản lý cho phép người dùng tương tác một cách với hệ thống thông qua các thiết bị giao tiếp như chuột, bàn phím, âm thanh. Dịch vụ hệ thống: cung cấp các chương trình chạy ở chế độ nền hay câu lệnh hệ thống trợ giúp người dùng như dịch vụ truy nhập từ xa, quản trị máy tính Ứng dụng người dùng: là các chương trình chạy theo yêu cầu của người dùng như trình biên dịch gọc, bộ ứng dụng văn phòng Star office.

Giao diện:

Người dùng làm việc với LINUX/UNIX thông qua:

- Giao diện dòng lệnh (Command Line Interface CLI): Giao diện CLI được cung cấp thông qua lớp vỏ với khả năng tùy biến và tự động hóa thực thi các câu lệnh (lập trình) thuận tiện.
- Giao diện đồ họa: Với những công việc đơn giản như chạy chương trình hay quản lý file thì giao diện đồ họa đơn giản và thuận tiện hơn với người dùng mới. Song giao diện đồ họa yêu cầu phần cứng cao hơn và chạy chậm hơn so với giao diện dòng lệnh.

Đặc điểm đặc trưng:

Linux được viết bằng ngôn ngữ lập trình C nên dễ dàng chuyển đổi nền tảng hay phần cứng khác nhau.

Hỗ trợ nhiều hệ thống file: ext3, ext4, fat, ntfs, btrfs, jfs,...

Nhân Linux mở cho mọi người có thể sửa đổi, cải tiến tính năng và có thể được tích hợp với các phần mềm FSF khác.

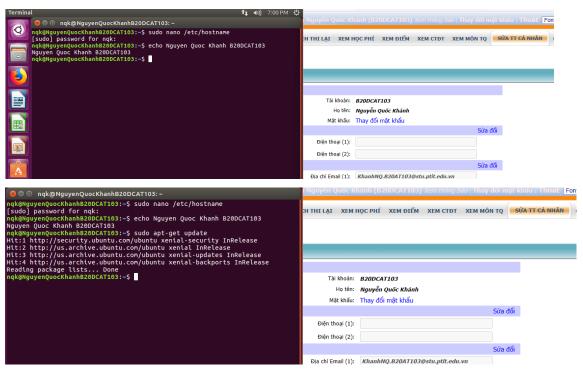
Linux hỗ trợ tốt việc tính toán song song và máy tính cụm(PC Cluster) Là hệ điều hành đa người dùng, Mỗi người dùng được phân biệt thông qua tên hay định danh người dùng. Mỗi người dùng được xác thực nhờ cơ chế kiểm tra mật khẩu

Dịch vụ khởi tạo: Khi hệ thống khởi động, nhân bắt đầu chạy một dịch vụ tên là init. Tùy thuộc theo phiên bản Linux, dịch vụ khởi tạo này dùng SysVInit, Upstart hay Systemd. Dịch vụ init thực hiện một loạt công việc tùy theo mức độ khởi tạo của hệ thống hay còn gọi là cấp độ hoạt động (runlevel). Mỗi cấp độ xác định tập các dịch vụ được khởi động (hay dừng) và được phân cấp.

Trong cộng đồng LINUX, các tổ chức khác nhau sử dụng các cách kết hợp các thành phần mềm khác nhau để tạo ra các bản phân phối (distribution) như Debian, Red Hat, OpenSUSE, Arch Linux, Ubuntu, Fedora,...

2. Các bước thực hiện thực hành

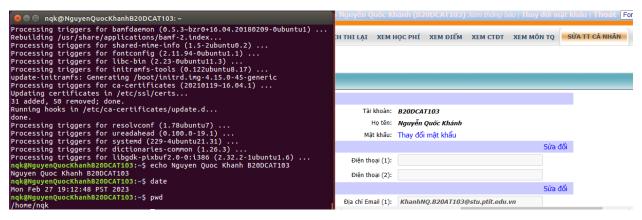
Câu lệnh sudo: Thực hiện câu lệnh với quyền hạn của người dùng root update: Lệnh sudo *apt*-get *update* được sử dụng để tải xuống thông tin gói từ tất cả các nguồn được cấu hình



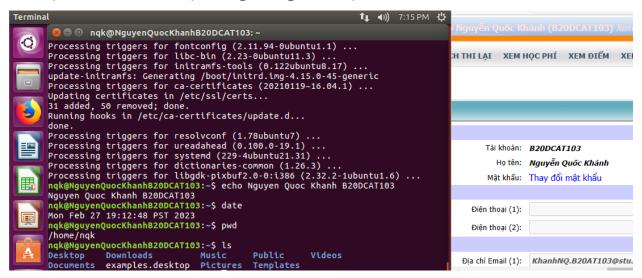
upgrade: Lệnh sudo apt-get upgrade để cài đặt các bản nâng cấp có sẵn của tất cả các gói hiện được cài đặt trên hệ thống từ các nguồn được cấu hình thông qua tệp sources.list.



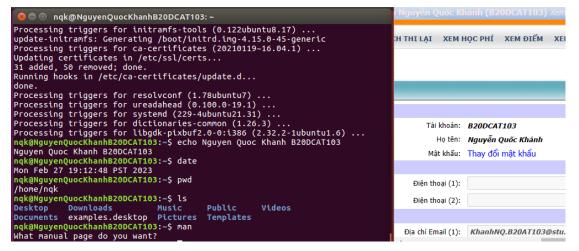
pwd: Hiển thị tên của thư mục hiện tại



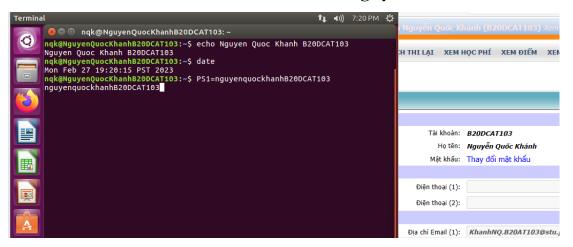
ls: Liệt kê danh sách nội dung trong thư mục



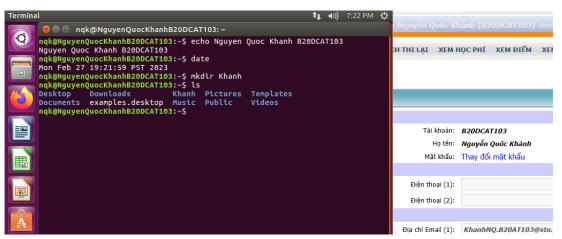
man: Hướng dẫn chi tiết chức năng của một lệnh và các tùy chọn khi chạy lệnh



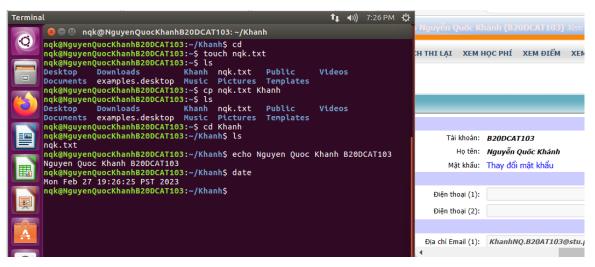
PS1: là biến chính điều khiển dấu nhắc dòng lệnh.



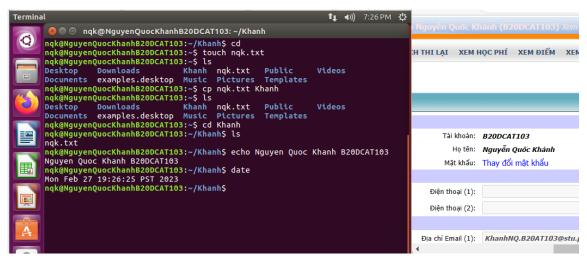
mkdir: Tạo thư mục mới với tên tùy chọn



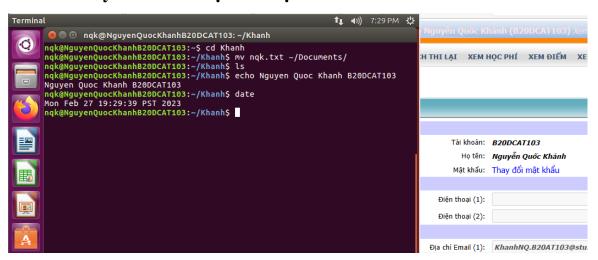
cd: Chuyển đến một thư mục khác tùy chọn



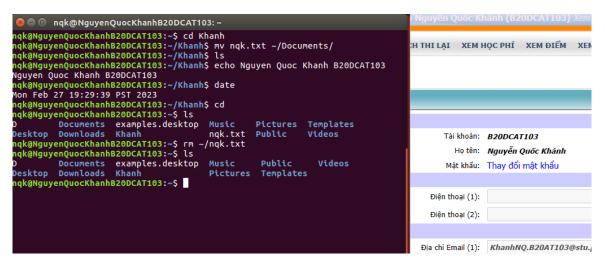
cp: Sao chép file vào một thư mục khác



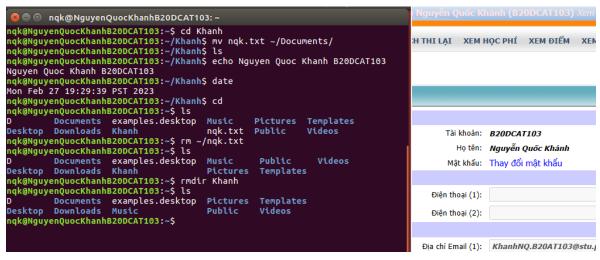
mv: Di chuyển file vào một thư mục khác



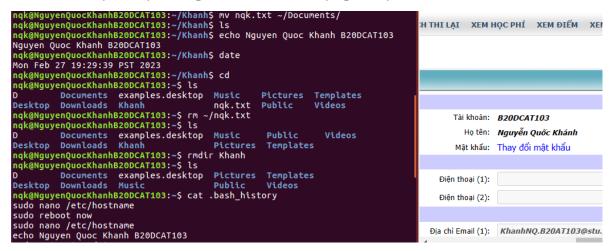
rm: Xóa file



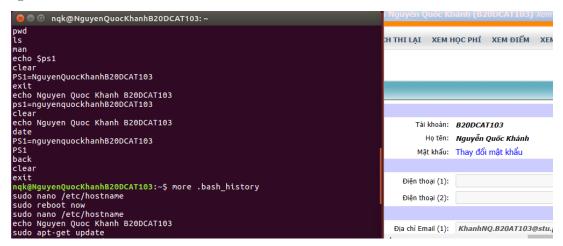
rmdir: xóa thư mục



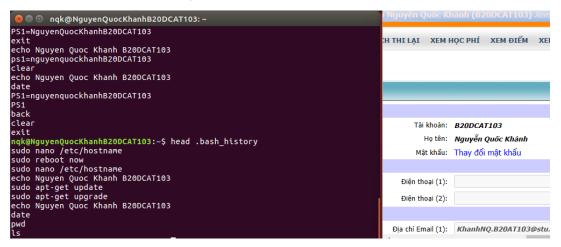
cat: hiển thị ra nội dung của file dưới dạng kí tự



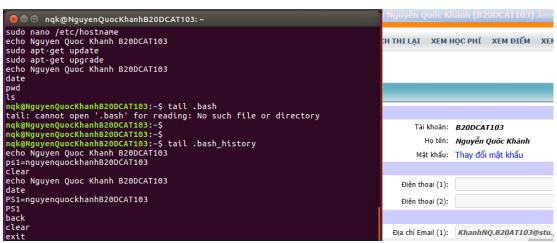
More: Giống cat, nhưng chỉ hiển thị nội dung nếu là file text, và hiển thị từng phần của file text vừa với cửa sổ



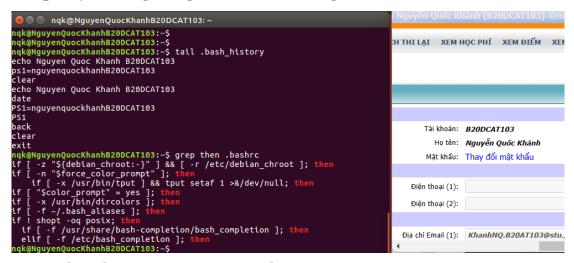
Head: Hiển thị 10 dòng đầu của nội dung file



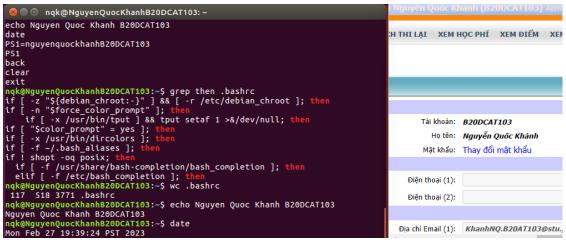
Tail: Hiển thị 10 dòng cuối của nội dung file



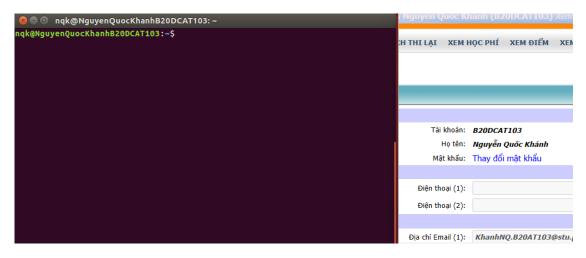
Grep: Lọc những dòng với từ khóa trong file và xuất ra



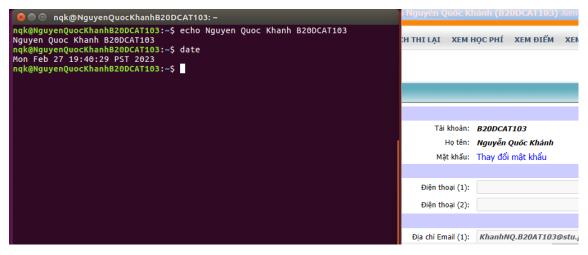
Wc: Đếm số lượng dòng, từ và số byte của file



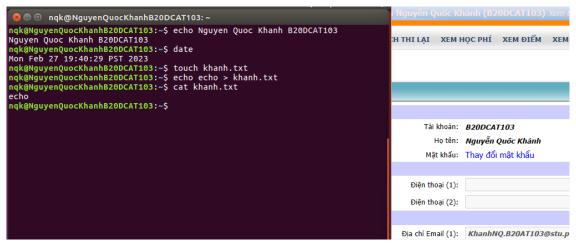
Clear: Xóa cửa sổ terminal



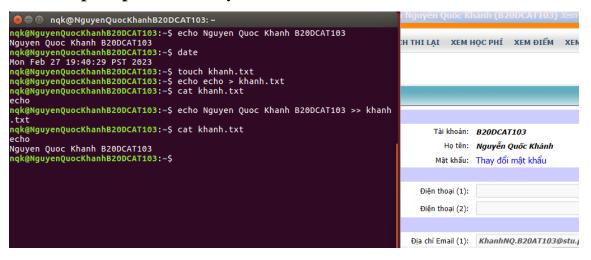
Echo: Xuất ra chuỗi văn bản tùy chọn



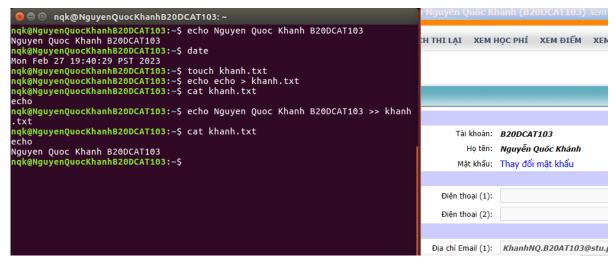
>: Gán output của câu lệnh trước vào file



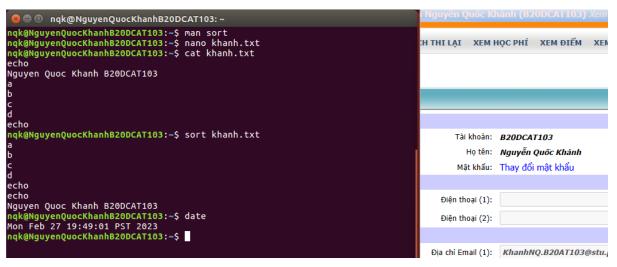
>>: Ghép output của câu lệnh trước vào cuối file



cat: hiển thị ra nội dung của file dưới dạng kí tự



Sort: Sắp xếp các dòng trong file



Uniq: Bỏ 1 trong 2 dòng liên tiếp trùng nhau

